

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XX

Phẩm 8: PHẠM HẠNH 6

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở trong rừng Ta-la song thọ thấy vua A-xà-thế gắt xúu ngã xuống đất, liền bảo đại chúng:

–Như Lai nay vì vị vua này mà trụ ở đời đến vô lượng kiếp, không nhập Niết-bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai vì vô lượng chúng sinh mà không nhập Niết-bàn, chứ tại sao chỉ vì một mình vua A-xà-thế?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì trong đại chúng này không có một người nào cho rằng Ta chắc chắn nhập Niết-bàn. Chỉ có vua A-xà-thế cho rằng Ta chắc chắn nhập Niết-bàn, cho nên gắt xúu, ngã xuống đất.

Này thiện nam! Như Lai đã nói vì vua A-xà-thế mà không nhập Niết-bàn. Mật nghĩa này ông chưa có thể hiểu được. Vì sao? Vì Ta nói “vì” là vì tất cả phàm phu. Vua A-xà-thế là người tạo hết tất cả tội ngũ nghịch. Lại nữa, nói “vì” tức là vì hết thấy chúng sinh hữu vi. Ta không bao giờ vì chúng sinh vô vi mà trụ ở đời. Vì sao? Hễ là vô vi thì không phải là chúng sinh. Vua A-xà-thế là người đầy đủ phiền não. Lại nữa, “vì” là vì chúng sinh không thấy Phật tánh. Nếu chúng sinh thấy Phật tánh thì Ta không bao giờ sống lâu ở đời. Vì sao? Vì người thấy được Phật tánh thì không gọi là chúng sinh. Vua A-xà-thế chính là tất cả người chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại “vì” tức là vì hai chúng của A-nan và Ca-diếp. Vua A-xà-thế chính là hoàng hậu, cung phi ở hậu cung của vua A-xà-thế và tất cả phụ nữ ở thành Vương-xá. Lại “vì” gọi là Phật tánh, “A-

xà” gọi là bất sinh, “Thế” gọi là oán thù. Do không sinh Phật tánh nên phiền não oán thù sinh. Do phiền não oán thù sinh nên không thấy Phật tánh. Do không sinh phiền não nên thấy Phật tánh. Do thấy Phật nên được an trú Đại Bát Niết Bàn, đó gọi là bất sinh. Cho nên gọi “vì” là A-xà-thế.

Này thiện nam! A-xà gọi là bất sinh, bất sinh gọi là Niết-bàn. Thế gọi là thế pháp, vì gọi là không nhiễm ô. Vì tám pháp trong thế gian không nhiễm ô nên vô lượng vô biên vô số kiếp không vào Niết-bàn. Vì thế Ta nói vì A-xà-thế mà vô lượng ức kiếp Như Lai không vào Niết-bàn.

Này thiện nam! Mật ngữ của Như Lai không thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, các vị Tăng cũng không thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát cũng không thể nghĩ bàn. Kinh Đại Niết-bàn cũng không thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, bậc Đạo sư Đại bi, vì vua A-xà-thế mà nhập Tam-muội Nguyệt ái, nhập Tam-muội rồi, phóng ra ánh sáng lớn. Ánh sáng ấy mát mẻ chiếu đến thân vua. Ghẻ lở trên thân nhà vua liền lành không còn nóng bức. Vua biết ghẻ lở đã lành, thân thể mát mẻ. Vua liền bảo Kỳ-bà:

–Ta từng nghe người nói lúc kiếp sắp tận thì ba mặt trăng đều hiện lên, khi ấy hoạn nạn, đau khổ của tất cả chúng sinh đều được tiêu trừ. Nay chưa đến lúc mà ánh sáng này ở đâu chiếu đến thân ta, làm ghẻ lở khổ đau của ta được lành, thân được an lạc?

Kỳ-bà tâu:

–Đây không phải là ánh sáng của ba mặt trăng đều chiếu khi kiếp tận, cũng không phải ánh sáng của lửa, mặt trời, sao, cỏ thuốc, ngọc quý, cũng không phải ánh sáng của chư Thiên.

Vua lại hỏi:

–Ánh sáng này nếu không phải là ánh sáng của ba mặt trăng và ánh sáng của ngọc quý chiếu đến, thì ánh sáng này của ai?

–Tâu đại vương! Đó là ánh sáng do Đấng Thiên Trung Thiên phóng ra. Ánh sáng này không có nguồn gốc, không có giới hạn, không phải nóng, không phải lạnh, không phải thương, không phải diệt, không phải sắc, không phải không sắc, không phải tướng,

không phải không tướng, không phải xanh, không phải vàng, không phải đỏ, không phải trắng. Vì muốn cứu độ chúng sinh nên hiện ra có tướng để thấy, vì thế nói có gốc, có giới hạn, có nóng, có lạnh, có xanh, vàng, đỏ, trắng. Tâu đại vương! Ánh sáng này tuy là thật, nhưng không thể nói, không thể nhìn thấy, cho đến không có màu xanh, vàng, đỏ, trắng v.v...

–Này Kỳ-bà! Đấng Thiên Trung Thiên ấy do nhân duyên gì mà phóng ánh sáng này?

–Tâu đại vương! Tướng tốt lành này là vì đại vương đó. Trước đây đại vương nói không có vị thầy thuốc nào giỏi ở trong đời chữa trị thân bệnh, tâm bệnh của đại vương. Cho nên Đức Như Lai phóng ra ánh sáng này trước trị thân bệnh, sau trị tâm bệnh của đại vương.

Vua nói:

–Này Kỳ-bà! Như Lai Thế Tôn cũng nhớ nghĩ đến ta sao?

Kỳ-bà tâu:

–Ví như một người có bảy người con; trong bảy người đó có một người bị bệnh, thì cha mẹ chăm sóc người bệnh nhiều hơn, chớ trong lòng cha mẹ không phải không bình đẳng.

Tâu đại vương! Như Lai cũng vậy. Đối với chúng sinh không phải không bình đẳng, nhưng với người có tội lỗi thì quan tâm hơn, người phóng dật thì thương tưởng hơn, người không phóng dật thì ít quan tâm đến. Sao gọi là những người không phóng dật? Những người không phóng dật là bậc Bồ-tát trụ ở vị thứ sáu. Tâu đại vương! Chư Phật Thế Tôn đối với các chúng sinh thường không quán sát dòng họ, già, trẻ, trung niên, nghèo, giàu, thời tiết, ngày, tháng, sao hạn, khéo léo, vụng về, tội tố, người giúp việc, mà chỉ quán sát chúng sinh có tâm thiện. Nếu chúng sinh có tâm thiện thì thương tưởng. Tâu đại vương! Tướng lành này chính là ánh sáng của Đức Như Lai vào Tam-muội Nguyệt ái.

Vua liền hỏi:

–Thế nào gọi là Tam-muội Nguyệt ái?

Kỳ-bà tâu:

–Ví như ánh sáng của mặt trăng có thể làm cho tất cả hoa Ưu-

bát-la hé nở, Tam-muội nguyệt ái cũng như vậy, có thể làm cho tâm chúng sinh khai mở. Vì thế gọi là Tam-muội Nguyệt ái. Tâu đại vương! Ví như ánh sáng của mặt trăng có thể làm cho tất cả người đi đêm trên đường vui mừng, Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, có thể làm cho người tu tập đạo Niết-bàn vui mừng. Vì thế gọi là Tam-muội Nguyệt ái. Tâu đại vương! Ví như ánh sáng từ một mặt trăng từ ngày mồng một đến ngày rằm, dần dần tăng thêm, Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, có thể làm cho các thiện căn của người mới phát tâm dần dần tăng trưởng cho đến đầy đủ Đại Bát Niết Bàn. Vì thế gọi là Tam-muội Nguyệt ái.

Tâu đại vương! Ví như ánh sáng của mặt trăng từ ngày mười sáu đến ngày ba mươi dần dần giảm xuống, Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, ánh sáng chiếu đến chỗ nào có phiền não thì phiền não dần dần được tiêu diệt. Vì thế gọi là Tam-muội Nguyệt ái. Tâu đại vương! Ví như lúc trời rất nóng tất cả chúng sinh thường nghĩ đến ánh sáng mặt trăng. Khi ánh sáng mặt trăng chiếu đến thời tiết nóng bức. Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, có thể làm cho chúng sinh diệt trừ được sự nóng bức của phiền não tham. Tâu đại vương! Ví như mặt trăng tròn sáng là vua trong các vì sao, là vị cam lồ mà tất cả chúng sinh ưa thích. Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, là vua trong các pháp thiện, là cam lồ mà tất cả chúng sinh ưa thích. Vì thế gọi là Tam-muội Nguyệt ái.

Vua nói:

–Ta nghe Đức Như Lai không cùng người ác ngời, đứng chung nói chuyện, đàm luận, giống như biển lớn không dung chứa tử thi, giống như chim uyên ương không đậu nhà xí, Thích-đề-hoàn-nhân không ở với quỷ, chim cưu-xi-la không đậu cây khô. Đức Như Lai cũng vậy, ta làm sao mà gặp được. Giả sử ta có gặp thì thân ta không bị vùi vào đất sao? Ta nghĩ Đức Như Lai thà gặp voi say, sư tử, cọp, sói, lửa dữ chứ không bao giờ gần với người quá ác. Do ta suy nghĩ như vậy nên không dám đến gặp Đức Như Lai.

Kỳ-bà tâu:

–Tâu đại vương! Ví như người khát nước đi nhanh đến dòng

suối trong, người đói cầu ăn, người sợ hãi cầu cứu giúp, người bệnh cầu thầy thuốc giỏi, người nóng cầu bóng mát, người lạnh cầu lửa ấm. Nay đại vương cầu Phật cũng như vậy.

Tâu đại vương! Đức Như Lai còn thuyết pháp cho Nhất-xiển-đề, huống gì là đại vương không phải là Nhất-xiển-đề sao không nhờ đức Từ bi cứu độ!

Vua nói:

–Này Kỳ-bà! Ta xưa từng nghe, Nhất-xiển-đề là kẻ không tin, không nghe, không thể quán sát, không rõ nghĩa lý, vì sao Đức Như Lai thuyết pháp cho họ?

Kỳ-bà tâu:

–Tâu đại vương! Ví như có người thân bị bệnh nặng, đêm nằm mơ thấy mình bay lên điện một cột, uống váng sữa và lấy thoa nơi thân, nằm trên tro, ăn tro, leo lên cây khô, hoặc cùng với khỉ vượn du hành, ngồi, nằm, chìm dưới nước, lún trong bùn, rơi xuống điện lầu, núi cao, rừng cây, hoặc thấy voi, ngựa, trâu, dê mặc y phục xanh, vàng, đỏ vui cười, ca múa, hoặc thấy quạ, kên kên, chồn, cáo, rưng rưng, rưng tóc, trần truồng, gối đầu trên mình chó, nằm trên phân dơi. Lại cùng người chết đi, đứng, ngồi, dặt tay, ăn uống, đi trên đường đầy rắn độc. Hoặc còn mộng thấy ôm lấy người nữ tóc giả, mặc y phục bằng lá Đa-la, ngồi xe lửa hư đi qua hướng chánh Nam.

Người mộng tỉnh dậy trong lòng buồn lo. Vì buồn lo nên thân bệnh càng nặng, vì càng nặng nên các người thân trong nhà đi mời thầy thuốc. Người đi mời này hình thể lùn xấu, các căn không đủ, đầu đầy bụi dơ, y phục rách nát, đi xe hư cũ. Vị ấy nói với thầy thuốc: “Xin mau lên xe đến nhà tôi chữa bệnh”.

Bấy giờ, vị thầy thuốc liền suy nghĩ: “Ta nay thấy người đến mời tướng mạo không tốt, nên biết người bệnh khó chữa trị”. Thầy thuốc lại nghĩ: “Người mời này tướng mạo không tốt, vậy ta nên xem ngày có thể chữa được chăng?”. Lại thấy ngày mồng bốn, mồng sáu, mồng tám, mười hai, mười bốn. Những ngày ấy bệnh cũng khó trị. Thầy thuốc lại suy nghĩ: “Ngày thấy không tốt, vậy ta xem sao có thể chữa trị chăng?”. Lại là sao hỏa, sao kim, sao ngang, sao diêm la

vương, sao thấp, sao mãn. Gặp những sao này thì bệnh cũng khó trị. Thầy thuốc lại nghĩ: “Sao thấy không tốt. Vậy ta xem thời tiết”. Nếu thời tiết vào mùa thu, vào mùa đông, lúc mặt trời lặn, lúc nửa đêm, lúc mặt trăng lặn. Gặp những lúc này thì bệnh khó chữa trị. Thầy thuốc lại nghĩ: “Các tướng tuy không tốt như vậy nhưng cố định hay bất định. Vậy ta nên xem người bệnh này nếu có phước đức thì có thể điều trị được nếu không có phước đức dù có tốt lành cũng chẳng có ích gì”. Thầy thuốc nghĩ như thế xong, liền cùng với người đi mời về nhà người bệnh, giữa đường lại nghĩ: “Nếu người bệnh đó có tướng trường thọ thì có thể chữa trị”. Liền khi ấy thấy trước đường có hai đứa trẻ đánh nhau, chúng túm đầu, nhổ tóc, dùng ngói, đá, dao gậy đánh nhau. Lại thấy người cầm lửa tự nhiên tắt, lại thấy có người đốn cây, lại thấy có người tay kéo tấm da đi trên đường, lại thấy trên đường có vật đánh rơi, hoặc lại thấy có người nắm đồ chữa rỗng, hoặc lại thấy Sa-môn đi một mình không có bạn bè, lại thấy cọp, sói, quạ, kên kên, chồn hoang. Thấy như vậy rồi vị thầy thuốc lại nghĩ: “Người đi mời cho đến các hiện tượng thấy trên đường đi đều không được tốt, nên biết người bệnh nhất định khó trị”. Thầy thuốc lại nghĩ: “Nếu ta không đến thì không phải thầy thuốc, nếu ta đến thì không chữa trị được”. Lại nghĩ: “Các hình tướng như thế tuy không tốt nhưng nên bỏ hết để đến nhà người bệnh”. Suy nghĩ vậy rồi, lại nghe ở trước đường có tiếng: mất, chết, sụp lở, tan hoại, bể gãy, té ngã, lật, đọa, thiêu đốt, dừng đến, không thể điều trị, không thể cứu giúp. Lại nghe ở phương Nam có tiếng chim, đó là tiếng quạ, kên kên, chim Xá-lợi, hoặc chó, chuột, chồn, thỏ, heo. Nghe những tiếng như vậy xong thầy thuốc lại suy nghĩ: “Nên biết người bệnh khó chữa trị”.

Khi vào nhà người bệnh, thầy thuốc thấy bệnh nhân lúc lạnh, lúc nóng, gân xương đau nhức, mắt đỏ rơm rệ, tai ù không nghe, cổ họng nghẹn đau, trên lưỡi nứt lở, sắc mặt bầm đen, cát đầu không nổi, cơ thể khô nhám chẳng có mồ hôi, đại tiện, tiểu tiện không thông, toàn thân sưng phù hồng đỏ không thường, lời nói không đều lúc to lúc nhỏ, toàn thân sắc xanh vàng lẫn lộn, bụng phình trướng, nói không rõ. Thầy thuốc thấy như vậy rồi liền đến hỏi người chăm

sóc bệnh: “Ngày hôm qua đến nay tinh thần người bệnh ra sao?”. Người chăm sóc bệnh nói: “Thưa thầy, người bệnh này xưa kính tin Tam bảo và chư Thiên, nhưng nay lại khác, không còn kính tin, trước kia ăn ít nay lại ăn nhiều, trước kia hòa thiện nay lại xấu ác, trước kia nhân từ hiếu thuận, cung kính cha mẹ, nay đối với cha mẹ tâm không cung kính”. Thầy thuốc nghe vậy đến gửi người bệnh liền nghe mùi hương Ưu-bát-la, hương trầm thủy tạ, hương tất-ca-đa, hương đa-ca-la, hương đa-ma-la-bạt, hương uất kim, hương chiêm-đàn v.v... và mùi thịt nướng, mùi rượu bồ đào, mùi gân cốt cháy, mùi cá, mùi phân v.v... Thầy thuốc biết mùi thơm, mùi hôi rồi liền đến chạm vào thân, biết thân người bệnh mềm mại như lụa bông, như hoa kiếp-bối, hoặc cứng như đá, hoặc lạnh như nước, hoặc nóng như lửa, hoặc nhám như cát.

Bấy giờ, thầy thuốc thấy các hình tượng như vậy rồi, biết người bệnh chắc chắn sẽ chết nhưng mà không nói ra, bảo người chăm sóc bệnh: “Nay tôi có việc gấp ngày mai sẽ trở lại. Người bệnh cần gì thì nên thuận theo ý chớ có ngăn cản”. Dặn xong thầy thuốc trở về nhà. Ngày mai người nhà bệnh đến rước, thầy thuốc bảo: “Việc tôi chưa xong và chưa chế thuốc kịp”.

Người trí nên biết, người bệnh này chắc chắn sẽ chết.

Tâu đại vương! Đức Thế Tôn cũng vậy, dù biết rõ căn tánh của hàng Nhất-xiển-đề, nhưng Ngài cũng vì họ mà thuyết pháp. Vì sao? Vì không thuyết pháp cho họ thì tất cả phàm phu sẽ nói Như Lai không có tâm đại từ bi. Có từ bi mới gọi là bậc Nhất thiết trí. Do vậy Như Lai vì hàng Nhất-xiển-đề thuyết pháp cho họ.

Tâu đại vương! Đức Như Lai thấy người bệnh liền ban bố pháp dược. Người bệnh không uống, đó không phải lỗi của Đức Như Lai.

Tâu đại vương! Hàng Nhất-xiển-đề chia ra làm hai: Một là hạng được căn lành hiện tại, hai là hạng được căn lành đời sau.

Đức Như Lai biết rõ hạng Nhất-xiển-đề được căn lành trong đời hiện tại, thì Ngài thuyết pháp cho họ. Hạng Nhất-xiển-đề được căn lành đời sau Ngài cũng thuyết pháp cho họ, hôm nay tuy vô ích nhưng để gieo cái nhân cho đời sau, nên Đức Như Lai thuyết pháp

cho hàng Nhất-xiển-đề.

Lại nữa, Nhất-xiển-đề có hai loại: Một là hạng lợi căn, hai là hạng trung căn. Người lợi căn có thể được căn lành trong đời hiện tại, người trung căn đời sau mới được căn lành.

Chư Phật Thế Tôn không bao giờ thuyết pháp mà không có lợi ích.

Tâu đại vương! Ví như người sạch rồi vào hầm xí, có thiện tri thức thấy vậy xót thương liền nắm tóc kéo ra khỏi. Chư Phật Như Lai cũng như vậy, thấy các chúng sinh đọa vào ba đường ác liền dùng phương tiện cứu độ ra khỏi. Vì thế Đức Như Lai thuyết pháp cho hàng Nhất-xiển-đề.

Vua bảo:

–Này Kỳ-bà! Nếu Như Lai có những điều như vậy thì phải chọn ngày giờ tốt rồi chúng ta đến gặp Đức Như Lai.

Kỳ-bà tâu:

–Tâu đại vương! Trong giáo pháp của Đức Như Lai không có chọn ngày giờ tốt.

Tâu đại vương! Như người bệnh nặng không nên xem ngày giờ tốt xấu mà cốt làm sao mới được thầy thuốc. Nay đại vương bệnh nặng phải cần lương y Phật chữa trị, không nên chọn ngày lành giờ tốt.

Tâu đại vương! Như lửa chiêm-đàn, cùng lửa y-lan. Hai thứ lửa này thiêu cháy đều giống nhau. Ngày tốt ngày xấu cũng vậy, nếu đã đến chỗ Đức Phật đều được diệt tội. Vậy mong đại vương hôm nay mau đến gặp Phật.

Bấy giờ, vua A-xà-thế liền bảo cận thần Cát Tường:

–Này Cát Tường! Ta nay muốn đến nơi Đức Thế Tôn, nhanh mau sắm đầy đủ vật thực cúng dường!

Cát Tường tâu:

–Tâu đại vương! Lành thay! Lành thay! Mọi vật cúng dường đều có đủ.

Vua A-xà-thế cùng phu nhân ra đi với một vạn hai ngàn chiếc xe, năm vạn thốt voi to khỏe mạnh, trên mỗi thốt voi đều chở ba

người cầm phướn lọng, hoa hương, kỹ nhạc, đầy đủ các vật cúng dường, có mười tám vạn người cưỡi ngựa đi theo. Dân chúng trong nước Ma-già-đà có năm mươi tám vạn người cùng đi theo vua.

Bấy giờ, nơi thành Câu-thi-na có đại chúng đứng khắp mười hai do-tuần, tất cả mọi người đều thấy vua A-xà-thế và quyến thuộc từ xa đi đến.

Khi ấy, Đức Phật bảo các đại chúng:

–Nhân duyên gần gũi của tất cả chúng sinh cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trước hết là bạn lành. Vì sao? Vì vua A-xà-thế nếu không nghe lời của Kỳ-bà thì mong bảy tháng tới sẽ chết và đọa vào ngục A-tỳ. Vì thế nhân duyên gần không gì hơn bạn lành.

Trên đường đi, vua A-xà-thế nghe chuyện vua Tỳ-lưu-ly ngồi thuyền vào biển gặp lửa mà chết. Tỳ-kheo Cù-già-ly còn sống mà lún vào trong đất đến địa ngục A-tỳ. Tu-na-sát-đa làm các tội ác đến gặp Đức Phật, các tội lỗi đều tiêu sạch. Vua nghe xong những chuyện này rồi liền nói với Kỳ-bà: “Ta tuy được nghe những chuyện ấy nhưng vẫn chưa chắc. Kỳ-bà, hãy đến đây, ta muốn cùng khanh ngồi chung một thớt voi. Giả sử ta đọa vào địa ngục A-tỳ, mong khanh nắm giữ ta đừng để rơi xuống. Vì sao? Vì ta trước đây nghe những người đắc đạo không rơi vào địa ngục”.

Bấy giờ, trong chúng hội có một vị Bồ-tát tên là Trì Nhất Thiết bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trước đây Phật nói tất cả các pháp không có tướng nhất định. Đó là sắc không có tướng nhất định cho đến Niết-bàn cũng không có tướng nhất định. Vậy hôm nay tại sao Như Lai lại nói làm cho vua A-xà-thế có tâm nhất định?

Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Như Lai nay sẽ làm cho vua A-xà-thế có tâm nhất định. Vì sao? Vì nếu tâm nghi ngờ của vua có thể phá trừ được, thì sẽ biết các pháp không có tướng nhất định. Vì thế Như Lai làm vua A-xà-thế tâm được nhất định, vì biết tâm vua không nhất định. Này thiện nam! Nếu tâm của vua là nhất định thì tội ngũ nghịch của vua làm sao diệt trừ được, vì không có

tướng nhất định nên tội của vua có thể tiêu trừ.

Bấy giờ, vua A-xà-thế đến rừng Ta-la song thọ, đi đến chỗ Phật ngược nhìn Đức Như Lai, thấy ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp giống như núi vàng ròng vi diệu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn phát ra tám loại tiếng bảo vua:

–Này đại vương!

Khi ấy, vua A-xà-thế nhìn xem hai bên đại chúng ai là đại vương. Vua liền suy nghĩ: Ta là người tội lỗi không có phước đức. Đức Như Lai không nên gọi ta là đại vương.

Bấy giờ, Đức Như Lai lại gọi:

–Này đại vương A-xà-thế!

Vua nghe lời gọi của Như Lai tâm rất vui mừng liền nghĩ: “Hôm nay Đức Như Lai chiếu cố đến ta. Biết thật là Đức Như Lai có tâm thương yêu không phân biệt đối với các chúng sinh”.

Vua bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tâm con hôm nay không còn nghi ngờ, thật biết Như Lai là bậc Đại sư vô thượng của chúng sinh.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp nói với Bồ-tát Trì Nhất Thiết:

–Đức Như Lai đã làm cho vua A-xà-thế tâm được nhất định.

Bấy giờ, vua A-xà-thế bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử hôm nay con được cùng ngồi ăn uống với Phạm Thiên, Thích-đề-hoàn-nhân cũng không vui mừng bằng gặp Đức Như Lai và nghe một lời chiếu cố, con vô cùng sung sướng.

Lúc này, vua A-xà-thế liền đem phướn lọng, hương hoa, kỹ nhạc dâng lên cúng dường Đức Thế Tôn và đánh lễ nơi chân Phật, đi quanh bên phải ba vòng. Kính lễ xong ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Phật bảo vua A-xà-thế:

–Này đại vương! Như Lai nay vì đại vương mà thuyết pháp, vậy nhà vua chú ý lắng nghe!

Hàng phàm phu thường quán sát thân mình có hai mươi điều:

Một là thân ta đây là thân hữu lậu.

Hai là vốn không có các căn lành

Ba là sống chết chưa được điều thuận.
 Bốn là rơi vào hầm sâu không chỗ nào là không sợ.
 Năm là dùng phương tiện gì để thấy Phật tánh.
 Sáu là tu định thế nào để thấy Phật tánh.
 Bảy là sống chết thường khổ, không có thường, lạc, ngã, tịnh.
 Tám là thường khó thoát khỏi tám nạn.
 Chín là thường bị oan gia theo dõi.
 Mười là không có một pháp nào có thể chặn đứng các cõi.
 Mười một là chưa được giải thoát khỏi ba đường ác.
 Mười hai là đầy đủ các loại ác kiến.
 Mười ba là cũng chưa tạo lập bến bờ vượt qua khỏi ngũ nghịch.
 Mười bốn là sinh tử không bờ mà chưa được vượt qua.
 Mười lăm là không tạo các nghiệp, không bị quả báo.
 Mười sáu là không có ta làm mà người khác chịu quả.
 Mười bảy là không tạo niềm vui thì không có quả vui.
 Mười tám là nếu có tạo nghiệp quả thì không thể mất.
 Mười chín là do vô minh mà sinh, cũng do vô minh mà chết.
 Hai mươi là quá khứ, vị lai và hiện tại thường buông lung phóng dật.

Nay đại vương! Người phạm phu thường quán thân này có hai mươi điều như vậy. Do quán sát như vậy mà không ưa thích sinh tử nên được chánh quán. Bấy giờ mới tuân tự quán về tướng sinh, tướng trụ, tướng diệt của tâm, kể đến quán tướng sinh trụ diệt của tâm. Quán định, tuệ, tinh tấn cũng như vậy. Quán sinh, trụ, diệt rồi biết tướng của tâm cho đến tướng của giới không bao giờ tạo ác, không có sợ chết, không sợ ba đường ác. Nếu không chuyên tâm quán sát hai mươi điều như vậy thì tâm phóng dật, không có việc ác nào mà không làm.

Vua A-xà-thế thưa:

–Thưa Thế Tôn! Như con hiểu ý nghĩa lời Thế Tôn nói là, từ trước đến đây con chưa từng quán sát hai mươi điều ấy, nên tạo các tội ác. Do vậy sợ chết, sợ ba đường ác.

Bạch Thế Tôn! Con tự chuốc lấy tai họa tạo tội ác nặng: Vua cha không tội, con lại ám hại. Vậy hai mươi điều này dù con có quán hay không quán thì con nhất định sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ.

Phật dạy:

–Này đại vương! Tất cả các pháp tánh tướng vô thường, không có nhất định, tại sao nhà vua lại nói nhất định sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ.

Vua A-xà-thế bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả các pháp không có tướng nhất định, vậy thì tội giết hại của con cũng không nhất định. Nếu tội giết hại nhất định thì tất cả các pháp phải là nhất định.

Phật dạy:

–Này đại vương! Lành thay! Lành thay! Chư Phật Thế Tôn nói tất cả các pháp đều không có tướng nhất định. Nhà vua lại biết rõ tội giết hại cũng không nhất định. Do vậy nên biết tội giết hại không có tướng nhất định.

Này đại vương! Như lời nhà vua nói, vua cha không tội, mà vua lại ám hại. Cái gì là cha? Chỉ đối với danh từ giả năm ấm của chúng sinh mà vọng tưởng là cha. Trong mười hai nhân duyên và mười tám giới cái gì là cha? Nếu sắc là cha thì bốn ấm còn lại không phải là cha. Nếu bốn ấm là cha thì sắc cũng không phải là cha. Nếu sắc và phi sắc hợp lại thành cha thì không có chuyện này. Vì sao? Vì sắc và phi sắc tánh không hòa hợp.

Này đại vương! Chúng sinh phạm phu đối với sắc uẩn vọng tưởng là cha. Sắc ấm như vậy cũng không thể hại được. Vì sao? Vì sắc có mười loại. Trong mười loại sắc chỉ có một loại có thể nhìn thấy, có thể nắm lấy, có thể cân, có thể lường, có thể dẫn dắt trời buộc v.v... Dù có thể thấy, có thể trời buộc, nhưng tánh của nó không trụ. Vì không trụ nên không thể thấy, không thể nắm bắt, không thể cân lường, không thể dẫn dắt, không thể trời buộc. Sắc tướng như vậy thì làm thế nào giết hại được. Nếu sắc là cha có thể giết, có thể hại mắc phải tội báo thì chín loại kia không phải là cha. Nếu chín loại kia không phải là cha tức không có tội.

Này đại vương! Sắc có ba loại: Quá khứ, vị lại, hiện tại. Vì sao? Vì quá khứ đã qua rồi, hiện tại thì mỗi niệm mỗi niệm tiêu diệt. Chỉ vì ngăn chặn vị lại nên gọi là giết hại. Một thứ sắc như vậy hoặc có thể giết, hoặc không thể giết. Có giết hay không giết thì sắc cũng không nhất định. Nếu sắc không nhất định thì giết hại cũng không nhất định, giết hại không nhất định thì quả báo cũng không nhất định. Vậy sao nói nhất định vào địa ngục.

Này đại vương! Tất cả chúng sinh tạo ra tội nghiệp có hai thứ: Một là tội nhẹ, hai là tội nặng. Nếu do tâm và miệng tạo ra gọi là tội nhẹ, còn thân, miệng và tâm tạo ra gọi là tội nặng.

Này đại vương! Tâm suy nghĩ, miệng nói, nhưng thân không làm thì mắc quả báo nhẹ.

Này đại vương! Ngày trước đại vương không bảo giết, chỉ nói chặt chân. Này đại vương! Nếu vua truyền lệnh cho thị thần chém đầu vua cha và khi buộc tội rồi mới chém còn không mắc tội, huống gì đại vương không ra lệnh làm sao mắc tội. Nếu vua mắc tội thì chư Phật Thế Tôn cũng mắc tội. Vì sao? Vì vua cha của đại vương là Tần-bà-sa-la thường ở nơi chư Phật trông các căn lành, do đó ngày nay được làm vua. Nếu chư Phật không thọ nhận sự cúng dường thì tiên vương đâu có làm vua. Nếu tiên vương không làm vua thì đại vương đâu có vì việc nước mà giết hại. Nếu đại vương giết cha mà có tội thì chư Phật chúng tôi cũng phải có tội. Nếu chư Phật Thế Tôn không tội thì chỉ riêng đại vương có tội sao.

Này đại vương! Tiên vương Tần-bà-sa-la ngày xưa có tâm ác: Vua đi săn nai tại núi Tỳ-phú-la, tìm khắp mọi nơi không thấy con nào, chỉ gặp một vị Tiên đầy đủ năm thông, tiên vương liền sinh tâm ác giận dữ nói: “Hôm nay ta đi săn sỏ dĩ không được gì chính là do người này xua đuổi chúng chạy đi”. Tiên vương liền bảo cận thân giết vị tiên. Tiên nhân lúc chết sinh tâm oán hận liền mất thần thông nên thệ nguyện: “Ta không có tội, người dùng tâm và miệng để giết hại ta. Vậy vào đời sau ta cũng dùng tâm và miệng giết hại nhà người vậy”. Tiên vương nghe rồi trong lòng ăn năn cúng dường tử thi, cho nên tiên vương bị tội nhẹ không đọa vào địa ngục, huống gì

đại vương không như vậy mà phải chịu quả báo vào địa ngục sao? Tiên vương tự làm ra thì trở lại tự thọ nhận sao bảo đại vương mắc tội giết hại. Như lời đại vương nói, vua cha không có tội. Nay đại vương! Tại sao nói không có? Hễ có tạo tội tức là có quả báo, không có tạo ác thì không bị tội báo. Nay tiên vương của đại vương không có tội sao có thọ báo, tiên vương Tần-bà-sa-la ở trong đời này cũng được quả lành cũng bị quả ác. Do vậy tiên vương cũng không nhất định. Vì không nhất định nên sự giết hại cũng không nhất định. Sự giết hại không nhất định sao đại vương nói nhất định đọa vào địa ngục.

Này đại vương! Chúng sinh điên cuồng có bốn hạng: Một là do tham vọng mà điên cuồng, hai là do bị thuốc độc mà điên cuồng, ba là do bị bùa chú mà điên cuồng, bốn là do nghiệp duyên đời trước mà điên cuồng.

Này đại vương! Trong hàng đệ tử của Như Lai mắc phải bốn thứ điên cuồng ấy, dù tạo nhiều tội ác, Như Lai không cho người này là phạm giới. Việc làm của người này không bị đọa vào ba đường ác. Nếu tâm tỉnh trở lại thì cũng không gọi là phạm. Nay đại vương vì tham ngôi vua mà phản nghịch giết hại vua cha, do tâm tham vọng điên cuồng mà làm thì sao gọi là mắc tội.

Này đại vương! Như người say rượu làm nghịch giết hại mẹ, lúc đã hết say sinh lòng hối hận. Nên biết việc giết hại này cũng không bị tội báo. Nay đại vương vì lòng tham làm say chứ không phải bồn tâm làm. Nếu không phải bồn tâm làm thì sao nói mắc phải tội.

Này đại vương! Ví như nhà ảo thuật ở nơi ngã tư đường, dùng chú thuật tạo ra đủ loại nào là trai, gái, voi, ngựa, chuỗi ngọc, y phục v.v... Người ngu cho đó đó là thật, người trí biết đó là không thật. Sự giết hại cũng vậy, người phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết là không thật.

Này đại vương! Ví như tiếng vang trong khe núi, người ngu cho là tiếng thật, người trí biết là không thật. Sự giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết là không thật.

Này đại vương! Như có kẻ oán thù giả đến thân cận, người ngu nhận là người thân, người trí biết rõ đó là giả trá. Sự giết hại cũng vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết là không thật.

Này đại vương! Như người soi gương tự thấy mặt mình, người ngu cho là mặt thật, người trí hiểu rõ không phải mặt thật. Sự giết hại cũng vậy, người phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết là không thật.

Này đại vương! Như sóng nắng gợn lên lúc trời nắng nóng, người ngu cho đó là nước, người trí biết rõ không phải là nước. Sự giết hại cũng vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rõ là không thật.

Này đại vương! Như thành Càn-thát-bà, người ngu cho là thật, người trí biết rõ không phải là thật. Sự giết hại cũng vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rõ là không thật.

Này đại vương! Như người nằm mộng thấy hưởng vui năm dục, người ngu cho là thật, người trí biết rõ là không thật. Sự giết hại cũng vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rõ là không thật.

Này đại vương! Cách thức giết, hành động giết, người giết, hậu quả giết cho đến sự giải thoát, Như Lai đều biết rõ tất cả nhưng không có tội, thì sao đại vương biết việc giết hại mà lại có tội?

Này đại vương! Ví như có người làm chủ tiệm rượu, nhưng không uống rượu thì cũng không say; tuy người biết lửa cũng không bị đốt cháy. Đại vương cũng vậy, dù biết giết hại tại sao có tội?

Này đại vương! Có các chúng sinh lúc mặt trời mọc tạo các loại tội, lúc mặt trăng mọc lại đi trộm cướp, lúc mặt trời, mặt trăng không mọc thì không tạo tội, dù nhân nơi mặt trời, mặt trăng khiến người ấy tạo tội, nhưng mặt trời, mặt trăng thật không có tội. Sự giết hại cũng vậy, dù nhân nơi đại vương nhưng đại vương thật vô tội.

Này đại vương! Như trong cung vua, vua thường ra lệnh làm thịt dê, nhưng vua vốn không lo sợ, tại sao đối với vua cha mà sinh lòng lo sợ? Tuy người và súc vật có tôn ti khác nhau, nhưng quý sinh mạng, sợ chết thì cả hai đều giống nhau. Tại sao đối với loài dê xem

nhẹ không lo sợ, còn đối với phụ vương thì u buồn lo sợ.

Này đại vương! Người đời làm tội cho tham ái nên không được tự tại, bị tham ái sai khiến mà làm việc giết hại, giả sử có quả báo chính là tội của tham ái. Đại vương bị sai khiến thì sao có tội!

Này đại vương! Ví như Niết-bàn không phải có, không phải không mà cũng là có. Sự giết hại cũng vậy, tuy không phải có, không phải không mà cũng là có, người có hổ thẹn thì không phải có, người không hổ thẹn thì không phải không; người thọ quả báo gọi là có, người thấy rõ không thì không phải có; người thấy có thì không phải không; có người thấy có cũng gọi là có. Vì sao? Vì có người thấy có thì mắc quả báo, người thấy không có thì không mắc quả báo. Người thấy thường thì chẳng phải không, người thấy vô thường thì chẳng phải có. Người thường thấy thường thì không gọi là không. Vì sao? Vì người thường thấy thường có nghiệp quả ác. Cho nên người thường thấy thường không gọi là không. Do ý nghĩa này, dù không phải có, không phải không mà cũng là có.

Này đại vương! Phạm là chúng sinh thì hơi thở còn ra vào, làm chấm dứt hơi thở ra vào gọi là giết hại.

Này đại vương! Sắc là vô thường, nhân duyên của sắc cũng là vô thường, đã từ nhân vô thường mà sinh ra sắc thì sao gọi là thường? Cho đến thức cũng vô thường, nhân duyên của thức cũng là vô thường, đã từ nhân vô thường sinh thức tại sao gọi là thường? Do vô thường nên khổ, do khổ nên không, do không nên vô ngã. Nếu là vô thường, khổ, không, vô ngã thì cái gì là giết hại? Giết vô thường thì được Niết-bàn thường, giết khổ sẽ được an lạc, giết không sẽ được chân thật, giết vô ngã sẽ được chân ngã.

Này đại vương! Nếu giết vô thường, khổ, không, vô ngã thì đồng với ngã. Cũng giết luôn ngã thì vô thường, khổ, không, vô ngã không đọa vào địa ngục. Vậy đại vương nhập vào cái gì?

Bấy giờ, vua A-xà-thế làm theo như lời Phật dạy, quán sát từ sắc ấm cho đến thức ấm. Quán như vậy rồi liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nay mới biết sắc là vô thường cho đến thức cũng là vô thường. Nếu trước kia con có thể biết như thế này thì

con không tạo ra các tội.

Bạch Thế Tôn! Xưa kia con cũng từng nghe chư Phật Thế Tôn thường vì chúng sinh mà làm cha mẹ. Tuy nghe như vậy mà con chưa vững tin, nay con mới thật tin.

Bạch Thế Tôn! Con cũng đã từng nghe núi Tu-di do bốn thứ báu tạo thành, đó là: vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Nếu có các con chim đậu vào thì đồng với màu núi. Tuy được nghe như vậy nhưng con chưa vững tin. Nay con đến núi Tu-di của Phật liền đồng một màu sắc, đã đồng một màu sắc thì biết các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Bạch Thế Tôn! Ở thế gian này, con thấy từ hạt y-lan mọc lên cây y-lan không thấy hạt y-lan mọc lên cây chiên-đàn. Hôm nay mới thấy từ hạt y-lan mọc lên cây chiên-đàn. Hạt y-lan chính là thân con. Cây chiên-đàn chính là lòng tin vô căn của con. Vô căn là từ trước con không biết cung kính Đức Như Lai, không tin chánh pháp cùng chư Tăng, nên gọi là vô căn.

Bạch Thế Tôn! Nếu con không gặp Như Lai Thế Tôn thì phải chịu vô lượng khổ ở nơi đại địa ngục trong vô lượng kiếp. Con nay được gặp, vì gặp được Phật nên được nhiều công đức phá trừ tất cả tâm ác phiền não chúng sinh.

Phật dạy:

–Này đại vương! Lành thay! Lành thay! Nay Như Lai biết đại vương có thể phá trừ tâm xấu ác của chúng sinh.

–Bạch Thế Tôn! Nếu con thật có thể phá trừ các tâm ác của chúng sinh thì con thường ở nơi địa ngục A-tỳ trong vô lượng kiếp vì các chúng sinh chịu mọi khổ não mà không lấy làm khổ.

Bấy giờ, vô lượng dân chúng ở nước Ma-già-đà đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do vô lượng dân chúng phát tâm rộng lớn như vậy nên tội nặng của vua A-xà-thế liền được nhẹ bớt.

Nhà vua và phu nhân cùng các thể nữ trong hậu cung đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc này, vua A-xà-thế bảo Kỳ-bà:

–Này Kỳ-bà! Ta nay chưa chết lại được thân cõi trời, bỏ mạng

ngấn ngủi được mạng lâu dài, xả bỏ thân vô thường được thân thường hằng, khiến cho các chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức là thân trời mạng trường thọ, thân thường hằng, tức là đệ tử của tất cả chư Phật.

Nói lời này xong, vua đem các thứ cờ phướn, lọng báu, hương hoa, chuỗi ngọc, kỹ nhạc cúng dường Đức Phật, rồi nói kệ tán thán:

*Lời chân thật vì diêu
Khéo léo nơi câu nghĩa
Tặng bí mật sâu xa
Vì chúng sinh hiển bày
Nói rộng thì rất nhiều
Vì chúng sinh nói lược
Đầy đủ lời như vậy
Khéo chữa bệnh chúng sinh
Nếu có các chúng sinh
Được nghe lời nói này
Có tin hoặc không tin
Biết chắc là lời Phật
Lời chư Phật dịu dàng
Nói lớn vì chúng sinh
Dịu dàng cùng nói lớn
Đều về đệ nhất nghĩa.
Cho nên con hôm nay
Quy y Đức Thế Tôn
Phật nói chỉ một vị
Như nước trong biển lớn
Nên gọi đệ nhất đế
Không có lời vô nghĩa
Nay Đức Như Lai nói
Vô lượng vô số pháp
Nam nữ già trẻ nghe
Đều được đệ nhất nghĩa
Không nhân cũng không quả*

*Không sinh và không diệt
Gọi là Đại Niết-bàn
Người nghe phá kiết sử
Như Lai vì tất cả
Thường làm cha mẹ lành
Nên biết các chúng sinh
Là con của Như Lai
Thế Tôn đại từ bi
Vì chúng nên khổ hạnh
Như người bị quỷ dựa
Làm nhiều việc cuồng loạn
Con nay được gặp Phật
Có được ba nghiệp thiện
Nguyện đem công đức này
Hướng về đạo vô thượng
Phẩm vật con cúng dường
Phật, Pháp cùng chúng Tăng
Xin đem công đức này
Nguyện Tam bảo thường tại
Điều con được hôm nay
Là các loại công đức
Nguyện đem công đức này
Phá trừ bốn loại ma
Con gặp ác tri thức
Tạo tội ác ba đời
Nay sám hối trước Phật
Nguyện sau không tái phạm
Cầu tất cả chúng sinh
Đều phát tâm Bồ-đề
Chuyên tâm thường nhớ nghĩ
Tất cả Phật mười phương
Lại nguyện các chúng sinh
Phá trừ các phiền não*

Được thấy rõ Phật tánh

Như Bồ-tát Văn-thù.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi vua A-xà-thế:

–Lành thay! Lành thay! Nếu có người nào phát tâm Bồ-đề, thì nên biết người này trang nghiêm đại chúng của chư Phật.

Này đại vương! Ngày xưa nhà vua ở nơi Phật Tỳ-bà-thi vốn đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên từ đó cho đến khi ta xuất thế, trong thời gian này, nhà vua chưa từng chịu khổ nơi địa ngục.

Này đại vương! Nên biết tâm Bồ-đề có vô lượng quả báo như vậy.

Này đại vương! Từ nay về sau thường siêng tu tâm Bồ-đề. Vì sao? Vì từ nhân duyên này mà được tiêu trừ vô lượng tội ác.

Lúc này, vua A-xà-thế và dân chúng nước Ma-già-đà, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Phật ba vòng, lễ bái lui ra, trở về cung.

Phẩm Thiên Hạnh như trong kinh Tạp Hoa đã nói.

*
**